

# QUAN HỆ VIỆT NAM VÀ HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN \*

**T**háng 8/1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời bao gồm năm quốc gia thành viên ban đầu là Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Philippine và Singapore. Trong quá trình xây dựng và phát triển ASEAN đã lần lượt kết nạp Brunây, Việt Nam, Lào, Myanmar và Campuchia, nâng tổng số thành viên lên 10 quốc gia. Từ thời điểm ASEAN được thành lập đến nay đã trải qua 40 năm, đó cũng là quãng thời gian mà quan hệ Việt Nam - ASEAN trải qua nhiều thăng trầm để đến hôm nay mỗi quan hệ đó ngày càng phát triển tốt đẹp với mục tiêu vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực Đông Nam Á.

## 1. Những chặng đường đã qua trong quan hệ Việt Nam - ASEAN

*\* Thời kì từ năm 1967 đến năm 1986*

Đây là thời kì mối quan hệ Việt Nam - ASEAN có nhiều vấn đề phức tạp. Trước hết, ASEAN ra đời trong bối cảnh nội bộ từng nước trong khu vực và trên thế giới có nhiều biến động. Nhiều nước ASEAN tham gia vào các liên minh quân sự với các nước ngoài khu vực như SEATO (Thái Lan và Philippine), AZPAK (Malaysia), ANZUK (Malaysia và Singapore). Hơn thế nữa, một số thành viên của ASEAN còn trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Thực tế đó là bức tường ngăn cách giữa Việt Nam với các nước ASEAN trong nhiều năm

và làm cho quan hệ Việt Nam - ASEAN luôn trong tình trạng đối đầu căng thẳng.

Sau khi Hiệp định Paris về Việt Nam được kí kết tháng 3/1973, Việt Nam đã cố gắng mở rộng quan hệ song phương với các nước trong khu vực. Tháng 7/1976, Việt Nam đưa ra chính sách 4 điểm<sup>(1)</sup> khẳng định mong muốn mở rộng quan hệ láng giềng hữu nghị với các nước Đông Nam Á. Quan hệ ngoại giao làm nền tảng cho các quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và một số nước ASEAN bắt đầu được thiết lập.<sup>(2)</sup> Sau đó, quan hệ hợp tác kinh tế cũng đã được phát triển thông qua việc kí kết các hiệp định kinh tế, thương mại, khoa học kĩ thuật, hàng không và hàng hải.

Năm 1979, xu hướng phát triển trong quan hệ Việt Nam - ASEAN đã bị gián đoạn bởi những biến cố chính trị xảy ra ở Campuchia. Vấn đề Campuchia đã phân chia khu vực Đông Nam Á thành hai nhóm nước có quan điểm hoàn toàn trái ngược nhau. Đó cũng là trở ngại chính trong quan hệ giữa ASEAN với Việt Nam và các nước khác ở Đông Nam Á. Mặc dù quan hệ ngoại giao vẫn được duy trì song các mối quan hệ hợp tác cụ thể giữa Việt Nam với các nước ASEAN hầu như bị tê liệt. Tuy nhiên trong giai đoạn này, cả Việt Nam và các nước

\* Giảng viên Khoa luật quốc tế  
Trường Đại học Luật Hà Nội

ASEAN đều cố gắng duy trì các cuộc tiếp xúc nhằm tìm ra giải pháp thỏa đáng cho việc giải quyết tình hình Campuchia vì lợi ích chung của khu vực Đông Nam Á.

*\* Thời kì từ năm 1986 đến năm 1995*

Đây là thời kì mà quan hệ Việt Nam - ASEAN có sự thay đổi rõ nét theo chiều hướng tích cực. Có nhiều yếu tố tác động đến sự phát triển của mối quan hệ này. Trước tiên phải kể đến yếu tố có tính quyết định là đường lối đổi mới nói chung và đổi mới trong quan hệ đối ngoại nói riêng của Việt Nam. Bên cạnh đó, những thay đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế trên quy mô toàn cầu cũng như trong khu vực, đặc biệt là việc kí kết Hiệp định về giải pháp chính trị toàn bộ cho vấn đề Campuchia cũng có tác động nhất định đến mối quan hệ Việt Nam - ASEAN.

Đường lối đổi mới do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra đã khẳng định rõ nhiệm vụ của công tác đối ngoại là: *“Ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông Dương, góp phần tích cực giữ vững hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương... tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”*.<sup>(3)</sup> Đối với quan hệ khu vực, *“Chúng ta mong muốn và sẵn sàng cùng các nước trong khu vực thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á, thiết*

*lập quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác”*.<sup>(4)</sup>

Tháng 5/1988 Hội nghị Bộ chính trị lần thứ 13 đã ra nghị quyết về đổi mới tư duy trong công tác đối ngoại nhằm củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung xây dựng và phát triển kinh tế. Giải pháp cụ thể được đưa ra tập trung vào ba vấn đề chính là rút toàn bộ quân tình nguyện Việt Nam ra khỏi Campuchia, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và cải thiện quan hệ với Mỹ. Với đường lối đối ngoại đổi mới, phù hợp với xu thế của thế giới và nguyện vọng chung của các nước Đông Nam Á, Việt Nam đã cải thiện cơ bản mối quan hệ với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Với việc kí kết Hiệp định về giải pháp chính trị toàn bộ cho vấn đề Campuchia tháng 10/1991, trở ngại cơ bản tồn tại trong quan hệ Việt Nam- ASEAN đã được gỡ bỏ, các bên xích lại gần nhau và bắt đầu phát triển nhanh chóng các quan hệ hợp tác song phương và đa phương. Bối cảnh thuận lợi đó cũng đã dẫn tới sự kiện tháng 7/1992, Việt Nam chính thức tham gia Hiệp ước thân thiện và hợp tác Bali và trở thành quan sát viên của ASEAN. Quan hệ Việt Nam – ASEAN từ đó đã có sự thay đổi về chất, chuyển dần từ đối đầu sang đối thoại. Với tư cách quan sát viên, Việt Nam đã thúc đẩy các quan hệ đa phương với ASEAN. Việt Nam tham gia vào rất nhiều các hoạt động của ASEAN như tham gia Hội nghị thường niên bộ trưởng ngoại giao ASEAN, Hội nghị bộ trưởng kinh tế, Diễn đàn an ninh

khu vực ARF cũng như các chương trình, dự án hợp tác khác của ASEAN.

Sau khi tham gia Hiệp ước Bali, tháng 10/1994 Việt Nam chính thức nộp đơn xin gia nhập ASEAN. Sự kiện này được tất cả các nước thành viên ASEAN hết sức hoan nghênh và tuyên bố sẵn sàng ủng hộ.

Ngày 28/7/1995 tại Trung tâm hội nghị quốc tế ở thủ đô Bandar Seri Begawan của Brunây đã diễn ra lễ kết nạp Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. Thời điểm đó đã khởi đầu cho thời kì phát triển mới trong quan hệ Việt Nam - ASEAN - thời kì hợp tác vì hòa bình, ổn định của khu vực, vì sự phồn vinh của mỗi dân tộc.

*\* Giai đoạn từ năm 1995 đến nay*

Đã mười hai năm trôi qua kể từ ngày Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN. Mười hai năm vừa qua đã ghi nhận nhiều thắng lợi và thành tựu quan trọng trong quan hệ Việt Nam - ASEAN.

Sau khi trở thành thành viên ASEAN, Việt Nam đã tham gia tích cực vào các hoạt động của Hiệp hội như: Tham dự Hội nghị thượng đỉnh lần thứ V tại Băng Cốc (12/1995), tham dự Hội nghị hợp tác Á - Âu (ASEM) lần đầu tiên tại Thái Lan (3/1996). Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ VI vào tháng 12/1998, một trong những Hội nghị thượng đỉnh có tầm quan trọng đặc biệt trong lịch sử phát triển của ASEAN. Hội nghị đã thông qua Tuyên bố Hà Nội, Chương trình hành động Hà Nội và nhiều văn kiện quan trọng khác nhằm hiện thực hóa “Tầm nhìn ASEAN năm

2020”. Tại Hội nghị này, các nhà lãnh đạo các nước ASEAN đã nhất trí kết nạp Campuchia làm thành viên thứ 10 của Hiệp hội, hoàn thành kế hoạch mở rộng tổ chức ra toàn khu vực. Thành công của Hội nghị thượng đỉnh lần thứ VI khẳng định vai trò và vị trí quan trọng của Việt Nam trong ASEAN.

Tiếp sau đó, Việt Nam được cử giữ chức Chủ tịch Ban thường trực ASEAN và Chủ tịch Diễn đàn an ninh khu vực (ARF) nhiệm kì 2000 - 2001, tổ chức thành công Hội nghị bộ trưởng ngoại giao lần thứ 34 và Hội nghị ARF lần thứ 8 vào tháng 7/2001. Đặc biệt, Tuyên bố Hà Nội về thu hẹp khoảng cách phát triển được thông qua tại Hội nghị bộ trưởng ngoại giao lần thứ 34 đã mang đậm dấu ấn Việt Nam, đáp ứng nhu cầu tăng cường liên kết nội khối và nhu cầu vươn lên, phát triển cho kịp các nước thành viên khác của bốn nước thành viên mới là Việt Nam, Lào, Myanmar và Campuchia. Tuyên bố này là tài liệu định hướng quan trọng cho hoạt động của ASEAN trong nhiều năm tiếp theo.

Không dừng lại ở những kết quả đã đạt được, tháng 6/2007 Việt Nam đã tổ chức thành công Diễn đàn hợp tác phát triển sáng kiến liên kết ASEAN (IAI) lần thứ hai với chủ đề “*Hướng tới những chiến lược mới nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN*”. Hiện nay, Việt Nam đang đăng cai tổ chức Hội nghị cấp cao ACMECS (Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyawady - Chaophraya - Mê Kông) gồm 4 nước Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam và Thái Lan vào tháng 10/2007 đồng thời tích cực tham gia vào quá trình soạn thảo Hiến

chương ASEAN. Việc soạn thảo này được dự kiến hoàn thành để trình lãnh đạo cấp cao thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 13 tổ chức tại Singapore vào tháng 11/2007. Việc hoàn tất và thông qua Hiến chương ASEAN sẽ là mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của ASEAN, góp phần đưa ASEAN từ một hiệp hội thành một cộng đồng liên kết chặt chẽ, hoạt động hiệu quả, năng động hơn, thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình khu vực và trên thế giới.

## **2. Ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN**

Sự kiện Việt Nam được kết nạp là thành viên thứ bảy của ASEAN là bước ngoặt trong lịch sử phát triển của ASEAN. Tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của sự kiện này đã được chính các nhà lãnh đạo ASEAN<sup>(5)</sup> thừa nhận. Trong bài phát biểu chúc mừng tại lễ kết nạp Việt Nam gia nhập ASEAN ngày 28/7/1995, Bộ trưởng ngoại giao Indonesia, ông Ali Alatas đã nhấn mạnh: *“Chúng ta vừa chứng kiến một sự kiện trọng đại trong biên niên sử của ASEAN. Việc kết nạp Việt Nam vào gia đình ASEAN có một ý nghĩa to lớn hơn nhiều chứ không phải chỉ là việc tăng số lượng thành viên từ 6 lên 7”*... *“Việt Nam sẽ là một thành viên quý giá của ASEAN. Nền văn hóa và lịch sử của Việt Nam sẽ làm phong phú thêm di sản chung của chúng ta. Dân số 72 triệu người của Việt Nam sẽ tạo ra động lực để tăng cường vai trò và ảnh hưởng quốc tế của ASEAN”*.<sup>(6)</sup>

Việt Nam gia nhập ASEAN đã chấm dứt hơn nữa thế kỉ các quốc gia Đông Nam Á bị

chia làm hai trận tuyến đối địch nhau, mở ra thời kì mới, thời kì các bên tăng cường hợp tác cùng phát triển vì lợi ích của mỗi bên và lợi ích chung của toàn bộ khu vực. Là quốc gia duy trì được sự ổn định chính trị, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, sự tham gia của Việt Nam vào ASEAN đã làm tăng uy tín và vị thế của ASEAN trên trường quốc tế, mở ra triển vọng phát triển mạnh mẽ của tổ chức này trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, việc Việt Nam gia nhập ASEAN và sau đó Lào, Myanmar, Campuchia lần lượt được kết nạp vào tổ chức, nâng tổng số thành viên ASEAN lên 10 quốc gia, đã làm cho ASEAN trở thành tổ chức quốc tế phát triển theo mô hình liên kết khu vực hiện đại đồng thời khẳng định xu thế mở rộng của ASEAN bao gồm tất cả các quốc gia Đông Nam Á, một ý tưởng mà ASEAN đã dự định ngay từ ngày đầu thành lập. Sự mở rộng này cũng đã làm tăng sức mạnh tập thể, làm cho tiếng nói của ASEAN trên trường quốc tế thêm trọng lượng. Với sự đồng tâm nhất trí của mình, ASEAN đã tạo được niềm tin với các đối tác bên ngoài, nhờ vậy đã tổ chức thành công các cuộc gặp gỡ trong khuôn khổ Diễn đàn an ninh khu vực (ARF), Hội nghị hợp tác Á - Âu (ASEM) và góp phần tích cực vào Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); đã đề xuất nhiều sáng kiến bảo vệ hòa bình, an ninh trong khu vực và trên thế giới. Vị thế của ASEAN được nâng lên rõ rệt trong quan hệ quốc tế.

Đối với Việt Nam, tham gia vào ASEAN là chính sách lớn của Việt Nam nhằm thực hiện đường lối đối ngoại rộng

mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế theo phương châm “*Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*”. Mười hai năm gia nhập ASEAN đã đem lại cho Việt Nam những lợi ích to lớn và thiết thực, từ chính trị, an ninh, kinh tế đến văn hóa, xã hội. Kết quả lớn nhất là tạo môi trường khu vực có lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thúc đẩy xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển; mở rộng hợp tác có hiệu quả giữa Việt Nam với các nước ASEAN và các bên đối thoại trên cơ sở song phương và đa phương; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, trong mười hai năm là thành viên ASEAN, Việt Nam đã từ nền kinh tế theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; bộ máy hành chính đã được điều chỉnh từng bước cho phù hợp với nền kinh tế thị trường; thông qua hợp tác và cạnh tranh, các nguồn tiềm năng nội địa cũng được khơi dậy. Tất cả những điều đó đều rất quan trọng đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế nói chung và hội nhập ASEAN nói riêng.

Như vậy, Việt Nam gia nhập ASEAN có ý nghĩa quan trọng đối với cả Việt Nam và ASEAN. Nó khẳng định xu thế hợp tác, liên kết khu vực là xu thế phát triển tất yếu của Hiệp hội đồng thời đáp ứng lợi ích của Việt Nam và ASEAN là cần có môi trường hòa bình, ổn định và đẩy mạnh hợp tác vì lợi ích phát triển, phù hợp với mong muốn, nguyện

vọng của nhân dân các nước Đông Nam Á. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN có lợi cho xu thế chung là hòa bình và hợp tác, điều đó không gây trở ngại mà còn hỗ trợ rất nhiều cho việc thực hiện đường lối đổi mới.

### **3. Một số nội dung hợp tác chính trong quan hệ Việt Nam - ASEAN**

Quan hệ Việt Nam - ASEAN đã phát triển nhanh chóng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và hợp tác chuyên ngành. Trong quan hệ hợp tác, Việt Nam luôn được đánh giá là hạt nhân đoàn kết, một nhân tố quan trọng vì hòa bình, hợp tác khu vực và một đối tác tin cậy, đóng góp thực chất vào những vấn đề có ý nghĩa quan trọng cho tương lai ASEAN. Việt Nam đã tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ với các nước thành viên ASEAN trong việc xây dựng những chủ trương, chính sách và kế hoạch hành động chung của Hiệp hội.

#### *a. Hợp tác an ninh chính trị*

Trong hợp tác an ninh chính trị, Việt Nam đã đóng góp tích cực vào việc tăng cường đoàn kết và hợp tác ASEAN; cùng các nước thành viên kiên trì bảo vệ các nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội như “đồng thuận” và “không can thiệp”; xử lý khéo léo một số vấn đề phức tạp, nhạy cảm của khu vực; hạn chế đến mức thấp nhất những tác động, ảnh hưởng từ bên ngoài. Ngoài ra, Việt Nam còn góp phần quan trọng trong việc đưa Hiệp ước thân thiện và hợp tác (TAC) từ bộ quy tắc ứng xử trong quan hệ giữa các nước trong khu vực trở thành bộ quy tắc ứng xử giữa các nước ASEAN với các nước ngoài khu vực; soạn thảo và kí Hiệp ước xây dựng khu vực

Đông Nam Á thành khu vực không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ).

Với tư cách là một trong 18 nước thành viên sáng lập Diễn đàn an ninh khu vực<sup>(7)</sup> - diễn đàn duy nhất để các nước trong và ngoài khu vực cùng nhau đối thoại về các vấn đề an ninh chính trị, bảo đảm hòa bình, ổn định ở châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam đã góp phần duy trì vai trò đầu tàu của ASEAN trong ARF, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác và phát triển khu vực. Việt Nam tham gia vào các cuộc họp trong khuôn khổ ARF trên cả hai kênh chính thức và không chính thức,<sup>(8)</sup> đóng góp ý kiến làm phong phú thêm các biện pháp đối thoại, xây dựng lòng tin và ngoại giao phòng ngừa.

Đối với vấn đề biển Đông, Việt Nam đã khéo léo xử lí, kiên trì đấu tranh giữ vững chủ quyền quốc gia, đưa ra sáng kiến và cùng các nước ASEAN thương lượng với Trung Quốc để có “Tuyên bố về nguyên tắc ứng xử của các bên ở biển Đông” (DOC) vào tháng 11/2002. Tuyên bố được kí có ý nghĩa tích cực đánh dấu sự tin tưởng lẫn nhau giữa các bên liên quan và cho thấy các mâu thuẫn trong khu vực hoàn toàn có thể được giải quyết thông qua đối thoại hòa bình vì sự ổn định chung của khu vực.

Thông qua việc hoàn thành tốt vai trò điều phối của ASEAN với những nước đối thoại được phân công, Việt Nam góp phần vào việc mở rộng quan hệ ngoại giao và hợp tác quốc tế của ASEAN, trong đó có việc phát triển thêm nhiều đối tác như Trung Quốc, Liên bang Nga, Ấn Độ và Liên minh châu Âu, tổ chức thành công nhiều

diễn đàn hợp tác lớn như Hội nghị cấp cao ASEM lần thứ 5 (ASEM 5) tháng 10/2004 và Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương năm 2006.

Hiện tại, Việt Nam đang tích cực và chủ động trong việc đóng góp nội dung cho “Tuyên bố hòa hợp ASEAN II” (còn được gọi là Tuyên bố Bali II được kí năm 2003) và “Dự thảo cộng đồng ASEAN” nhằm tiến tới hình thành cộng đồng ASEAN (AS) vào năm 2015<sup>(9)</sup> dựa trên ba trụ cột chính là Cộng đồng kinh tế (AEC), Cộng đồng an ninh (ASC) và Cộng đồng văn hóa - xã hội (ASCC). Về Cộng đồng an ninh ASEAN, Việt Nam cho rằng, cách tiếp cận an ninh toàn diện với việc khẳng định sự ổn định của chính trị - xã hội, tăng trưởng kinh tế với thu hẹp khoảng cách phát triển, xóa đói giảm nghèo sẽ là nền tảng và cơ sở đảm bảo sự bền vững của Cộng đồng an ninh ASEAN. Đề xuất này của Việt Nam được các nước ASEAN nhất trí tán thành và được nhấn mạnh trong “Kế hoạch hành động thực hiện ASC”. Cộng đồng an ninh ASEAN được thiết lập sẽ làm tăng mức độ tin cậy và ý thức cộng đồng trong ASEAN, thúc đẩy hợp tác an ninh chính trị nội khối lên tầm cao mới. Điều này sẽ góp phần tạo ra sự thăng bằng trong hợp tác khu vực và quốc tế, giúp cho ASEAN vừa tăng cường được tính mở, vừa duy trì được bản sắc, phong cách ứng xử truyền thống của mình, làm tăng khả năng phòng ngừa và tiến tới giải quyết các xung đột có thể xảy ra trong tương lai. Điều này phù hợp với lợi ích trước mắt cũng như lâu dài của Việt Nam.

Ngoài vấn đề an ninh truyền thống, Việt Nam còn tích cực hợp tác với ASEAN trong các vấn đề an ninh phi truyền thống. Trên tinh thần vì hòa bình và an ninh, Việt Nam đã cùng các nước ASEAN thông qua “Tuyên bố về các vấn đề an ninh phi truyền thống” nhằm khuyến khích các nỗ lực hành động chung chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia.

*b. Hợp tác kinh tế thương mại*

Hợp tác kinh tế thương mại là nội dung hợp tác hàng đầu trong quan hệ Việt Nam - ASEAN. Trong quá trình thiết lập và duy trì quan hệ hợp tác kinh tế thương mại với ASEAN, Việt Nam đã gặp phải nhiều khó khăn và thách thức. Trước hết, khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa các nước ASEAN và Việt Nam còn lớn. Khoảng cách này ước tính là gấp 8 lần nếu so sánh giữa Singapore (nước có mức GDP trên đầu người theo PPP cao nhất trong ASEAN) và Việt Nam.<sup>(10)</sup> Sự tương đồng về cơ cấu kinh tế, đặc biệt là cơ cấu ngoại thương giữa Việt Nam và các nước ASEAN cũng gây ra những khó khăn không nhỏ trong quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - ASEAN nhất là trong tình hình thương mại quốc tế và khu vực ngày càng phức tạp, chính sách bảo hộ của Mỹ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu ngày càng chặt chẽ đã làm giảm đáng kể khối lượng buôn bán của cả Việt Nam và các nước ASEAN.

Vượt qua tất cả những khó khăn, thách thức đặt ra trong quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - ASEAN, Việt Nam đã tham gia tích cực vào hầu hết các chương trình

hợp tác, liên kết kinh tế của ASEAN trên các lĩnh vực thương mại, đầu tư, dịch vụ, nông - lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông - vận tải, bưu chính - viễn thông, năng lượng và du lịch. Việt Nam đã nghiêm chỉnh thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế và luôn nỗ lực để đảm bảo đúng tiến độ thực hiện các cam kết của mình với ASEAN trong khuôn khổ Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) nhằm hình thành Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định hợp tác đầu tư ASEAN (AIA), Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS), Chương trình hợp tác công nghiệp (AICO)... Đồng thời Việt Nam còn chủ động nêu sáng kiến và tích cực thực hiện Chương trình hợp tác phát triển tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS), trong đó có dự án xây dựng các hành lang kinh tế, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây (WEC), hành lang lưu thông Côn Minh - Hà Nội - Hải Phòng, tạo ra bước tiến quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Trong điều kiện sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa Việt Nam với hầu hết các nước thành viên ASEAN còn lớn như hiện nay, những nỗ lực thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được các nước ASEAN đánh giá rất cao.

Với những nỗ lực hợp tác từ cả hai phía, kim ngạch thương mại Việt Nam - ASEAN tăng trung bình 15,8%/năm. Kim ngạch thương mại tăng cùng với tiến trình thực hiện Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT). So với năm đầu

tiên tham gia hội nhập kinh tế ASEAN, kim ngạch thương mại của Việt Nam với các nước ASEAN đã tăng khoảng 3,3 lần từ 3,49 tỉ đôla Mỹ năm 1995 lên 11,64 tỉ đôla Mỹ năm 2004 chiếm 19,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với thế giới.<sup>(11)</sup> Về đầu tư, tính đến hết tháng 6/2005 ASEAN đã đầu tư vào Việt Nam hơn 600 dự án với số vốn đăng kí là 11,385 tỉ đôla Mỹ, chiếm 23,38% tổng số vốn đầu tư nước ngoài, trong đó thực hiện được 5,019 tỉ đôla Mỹ, chiếm 19,08% tổng số vốn đầu tư nước ngoài đã đưa vào thực hiện tại Việt Nam.<sup>(12)</sup>

Tăng cường hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam - ASEAN trong thời gian qua đã góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh trong nước, tạo cơ sở để Việt Nam nhanh chóng hội nhập vào các mô hình hợp tác kinh tế rộng lớn hơn như Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hợp tác Á - Âu (ASEM) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

### c. Hợp tác chuyên ngành

Bên cạnh việc tăng cường các quan hệ hợp tác trong lĩnh vực an ninh chính trị và kinh tế, Việt Nam còn thường xuyên duy trì các quan hệ hợp tác chuyên ngành với ASEAN. Ngay khi trở thành thành viên ASEAN, Việt Nam đã triển khai hợp tác chuyên ngành với ASEAN trên sáu lĩnh vực chính là khoa học và công nghệ, môi trường, văn hóa - thông tin, phát triển xã hội, phòng chống ma túy và hành chính công vụ. Để triển khai các lĩnh vực hợp tác chuyên ngành với ASEAN, Việt Nam đã

thành lập các uỷ ban hợp tác chuyên ngành với sự tham gia phối hợp của nhiều bộ, ngành liên quan cũng như một số tổ chức đoàn thể khác. Hợp tác chuyên ngành Việt Nam - ASEAN trong thời gian qua đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia; chống tội phạm xuyên quốc gia và nạn khủng bố; đối phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; góp phần phát triển văn hóa, xã hội, xóa đói giảm nghèo và cải thiện đời sống nhân dân.

Mười hai năm hội nhập ASEAN là mười hai năm chúng ta thực hiện thành công đường lối đối ngoại đổi mới của Đảng và Nhà nước. Trong suốt quá trình hội nhập, Việt Nam luôn *"góp phần quan trọng vào việc giữ vững hướng đi, các nguyên tắc của ASEAN, các giá trị ASEAN; giữ được cách tiếp cận năng động, tinh táo và cân bằng, tiếp tục quan tâm thích đáng đến việc thực hiện các mục tiêu ưu tiên của ASEAN nhất là về tăng cường liên kết và thu hẹp khoảng cách phát triển"*.<sup>(13)</sup> Quá trình hội nhập ASEAN của Việt Nam tuy đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần nhận thức đầy đủ. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã xác định nhiệm vụ: *"Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN"*.<sup>(14)</sup> Thực hiện thành công nhiệm vụ đó một mặt góp phần *"sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại"*; <sup>(15)</sup> mặt khác, sẽ tăng cường hợp tác, liên kết chặt chẽ trong



ASEAN, biến ý tưởng của “Tầm nhìn ASEAN năm 2020” thành hiện thực và xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN vào năm 2015./.

(1). Tuyên bố của Bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Nguyễn Duy Trinh ngày 5/7/1976 khẳng định rõ Chính phủ Việt Nam sẵn sàng thiết lập và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác về mọi mặt với tất cả các nước trong khu vực Đông Nam Á trên cơ sở 4 nguyên tắc:

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại trong hòa bình;

- Không đề lãnh thổ nước mình cho bất cứ nước ngoài nào làm căn cứ xâm lược và can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào nước kia và các nước khác trong khu vực;

- Thiết lập quan hệ hữu nghị láng giềng tốt, hợp tác kinh tế và trao đổi văn hóa trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Giải quyết những vấn đề tranh chấp giữa các nước trong khu vực thông qua thương lượng theo tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau;

- Phát triển sự hợp tác giữa các nước trong khu vực vì sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh theo điều kiện riêng của mỗi nước, vì độc lập, hòa bình, trung lập thực sự ở Đông Nam Á, góp phần vào đem lại hòa bình trên thế giới.

(2). Trừ quan hệ ngoại giao với Indonesia được thiết lập từ trước (tháng 8/1964), sau khi Hiệp định Paris về Việt Nam được kí kết, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam mới lần lượt được thiết lập với Malaysia (tháng 3/1973), Singapore (tháng 8/1973), Philipine (tháng 7/1976) và Thái Lan (tháng 8/1976).

(3). Đảng cộng sản Việt Nam, “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*”, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 99.

(4). Đảng Cộng Sản Việt Nam, “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*”, Nxb. Sự thật, Hà nội, 1987, tr. 108.

(5). Căn cứ vào thời điểm gia nhập, các nước thành viên ASEAN được chia làm hai nhóm: ASEAN6 gồm 6 nước thành viên ban đầu của ASEAN là Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Singapore, Philipine và Brunây; ASEAN4 gồm 4 nước thành viên gia nhập ASEAN muộn hơn là Việt Nam, Lào, Myanmar và

Campuchia (còn được gọi là nhóm CLMV). Việc phân nhóm này chỉ có ý nghĩa trong việc triển khai các chương trình, dự án hợp tác kinh tế thương mại trong và ngoài khối chứ không nhằm mục đích phân biệt đối xử.

(6). *Việt Nam với sự phát triển của ASEAN: 10 năm nhìn lại*, Tạp chí cộng sản, số 87/2005.

(7). Diễn đàn an ninh khu vực (ARF) được thành lập vào tháng 7/1994 khi Việt Nam đã là quan sát viên của ASEAN.

(8). Tại cuộc họp thứ hai của ARF vào tháng 7/1995, các thành viên đã nhất trí triển khai các hoạt động của Diễn đàn trên hai kênh: Kênh chính thức do các cơ quan của chính phủ thực hiện và kênh không chính thức do các viện nghiên cứu chiến lược và các tổ chức phi chính phủ thực hiện. Chủ tịch ARF là người điều phối mối quan hệ giữa hai kênh.

(9). Ban đầu Cộng đồng ASEAN được dự kiến hình thành vào năm 2020. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 12 ở Cebu, Philipine tháng 1/2007 đã quyết định thời hạn hình thành Cộng đồng ASEAN sớm hơn vào năm 2015.

(10). Năm 2006 GDP trên đầu người của Việt Nam theo PPP (tính theo sức mua ngang giá) đạt khoảng 3.600 USD, trong khi đó Singapore đạt khoảng 29.000 USD, Brunây 26.000 USD, Malaysia 12.500 USD, Thái Lan 9.500 USD, Philipine và Indonesia 5.000 USD (Nguồn <http://www.aseansec.org>).

(11). Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - ASEAN (Nguồn <http://www.nciec.gov.vn>).

(12). Bài trả lời phỏng vấn TTXVN của Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Dy Niên nhân dịp kỉ niệm 10 năm Việt Nam gia nhập ASEAN (Nguồn <http://www.mofa.gov.vn>).

(13). Bài trả lời phỏng vấn của Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Dy Niên về Hội nghị AMM 36 và các hội nghị liên quan. Tuần báo quốc tế số 25 năm 2003.

(14). Đảng cộng sản Việt Nam, “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006, tr. 40.

(15). Đảng cộng sản Việt Nam, “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006, tr. 23.